TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2018/HS-ST
Ngày 08/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

2/ Bà **Huỳnh Phương Lan**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Lý Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2018/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2018, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Tấn L; sinh ngày 01/01/1982; Nơi cư trú: ấp AT, xã ĐA, huyện GQ, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Văn L (chết) và bà Trương Thị N; sinh năm 1958; Vợ tên Trần Thị L; sinh năm 1982 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không.

Tiền sự có 02 tiền sự:

- Ngày 29/6/2018 bị Công an huyện GQ, tỉnh KG xử phạt hành chính với số tiền 350.000 đồng, về hành vi mua số đề.

- Ngày 16/7/2018 bị Công an huyện GQ, tỉnh KG xử phạt hành chính với số tiền 750.000 đồng, về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2018, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà **Trần Thị B**; sinh năm 1979 (vắng mặt)

HKTT: Kp. ML, TT. ML, huyện CT, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Hồng T**; sinh năm 1977 (vắng mặt)

HKTT: Kp. ML, TT. ML, huyện CT, tỉnh KG

2/ Bà **Trần Ngọc G**; sinh năm 1977 (có mặt)

HKTT: KP. PH I, TT. GQ, huyện GQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 50 phút, ngày 02/7/2018 Huỳnh Tấn L đến nhà của bà Trần Thị B (chị vợ của L) ở khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG chơi. Tại đây, L có hỏi mượn bà B chiếc xe môtô mang BSKS 68C1 – 353.64 (xe do ông Hồng T là chồng của B đứng tên chủ sở hữu) để đi gặp bạn của L một lúc rồi mang về trả thì bà B đồng ý và đưa chìa khóa xe cho L. Sau khi mượn được xe, L mang đến tiệm cầm đồ Ngọc G do bà Trần Ngọc G làm chủ ở khu phố PH I, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh KG thông qua sự giới thiệu của Phạm Minh D cầm với giá 12.000.000 đồng rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 30 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện CT, tỉnh KG thể hiện: 01 chiếc xe môtô hiệu HONDA, số loại Vision, biển số kiểm soát 68C1 – 353.64 có giá trị định giá tại thời điểm là 24.800.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, ngày 14 tháng 7 năm 2018 bà Trần Thị B đến Công an huyện CT trình báo sự việc về hành vi của Huỳnh Tấn L, đến ngày 26 tháng 7 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Tấn L về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Đối với Phạm Minh D đã giới thiệu nơi cho L cầm xe và bà Trần Ngọc G đã nhận cầm 01 chiếc xe môtô hiệu HONDA, số loại Vision, biển số kiểm soát 68C1 – 353.64 của Huỳnh Tấn L mang đến cầm thì D và bà G hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D và bà G là phù hợp.

Về vật chứng trong vụ án: Đối với 01 chiếc xe môtô hiệu HONDA, số loại Vision, biển số kiểm soát 68C1 – 353.64, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện, người bị hại bà Trần Thị B đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu gì thêm, do đó không xem xét.

Đối với bà Trần Ngọc G yêu cầu Huỳnh Tấn L phải trả lại số tiền dùng để cầm chiếc xe môtô hiệu HONDA, số loại Vision, biển số kiểm soát 68C1 – 353.64 do Le mang đến cầm là 12.000.000 đồng, hiện gia đình của bị cáo đã trả cho bà G được 5.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT - VKS – CT ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh KG đã truy tố bị cáo Huỳnh Tấn L về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Tấn L phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo **Huỳnh Tấn L** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự do gia đình bị cáo đã trả đủ số tiền 12.000.000 đồng cho bà Trần Ngọc G nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 16 giờ 50 phút, ngày 02/7/2018 Huỳnh Tấn L đi đến nhà bà Trần Thị B (chị vợ của L) trú tại khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG chơi. Tại đây L hỏi mượn bà B chiếc xe môtô mang biển số kiểm soát 68C1 – 353.64 để đi công chuyện thì bà B đồng ý. Sau đó L điều khiển xe đi tìm bạn nhưng không gặp, do không có tiền xài nên L đem chiếc xe hỏi mượn đến tiệm cầm đồ của bà Trần Ngọc G cầm được 12.000.000 đồng rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân, đến khi bà B điện thoại đòi xe thì bị cáo không cố tình không trả. Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS thì *"*Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: *a) Mượn tài sản của người khác đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả...".* Như vậy việc bị cáo hỏi mượn xe của bị hại rồi sau đó khi có được xe bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" như đã viện dẫn ở trên.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo nhận thức được lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng khi được bà Bé cho mượn xe đi công chuyện và trên đường đi do không có tiền tiêu xài mà bị cáo lại cố ý đem xe bà Bé đi cầm khi chưa được sự đồng ý của bà Bé. Đến khi bà Bé điện thoại đòi lại xe thì bị cáo lại cố tình không trả mặc dù bị cáo có điều kiện để trả. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến đến sống vật chất của người bị hại mà còn gây dư luận xấu trong xã hội. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 BLHS. Tuy nhiên qua hồ sơ thể hiện thì trong năm 2018 bản thân bị cáo đã 02 lần bị xử phạt hành chính về các hành vi "Mua số đề và đánh nhau" nên qua đây cũng cần xem xét về nhân thân bị cáo khi lượng hình mới phù hợp.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục bồi thường thiệt hại lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cha bị cáo là người có công với Cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

6.1 Do sau khi vụ án bị phát hiện người bị hại bà Trần Thị B đã nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt và hiện tại bà B cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

6.2 Trong quá trình điều tra và truy tố người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc G yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền mà bà đã bỏ ra cầm xe là 12.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã trả trước cho bà được 5.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng thì trong quá trình đưa vụ án ra xét xử gia đình bị cáo đã khắc đủ

số tiền còn lại cho bà G nên tại phiên tòa bà G không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn L phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tấn L 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 01/8/2018.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Huỳnh Tấn L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đẩu